

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/DS-ST.

Ngày: 27 - 5 - 2025.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Trần Thanh Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hoàng Liên

Ông Trần Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Huy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang-T, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 459/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2024 về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/QĐST-DS ngày 07/5/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Địa chỉ: Số B N, Phường H, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Đào Thị Doan T- Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S- Chi nhánh N1

Người đại diện theo uỷ quyền lại: Ông Phạm Đức K- Trưởng phòng kiểm soát rủi ro- Chi nhánh N1.

Địa chỉ liên hệ: Số G T, phường K, thành phố P-T, tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt).

Bị đơn: Ông Bạch Như T1, sinh năm 1989; (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Số H đường N, Khu phố B, phường P, thành phố P-T, tỉnh Ninh

Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2024 của nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/11/2022, ông Bạch Như T1 có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S (*Viết tắt là Ngân hàng*) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng; bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần S (đơn vị phát hành thẻ) – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Bạch Như T1, Ngân hàng đã đồng ý **cấp Thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng)**; lãi suất 2,77%/tháng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông Bạch Như T1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 46.360.000 đồng.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau được quy định tại Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại cổ phần S (*Viết tắt là bản Điều khoản*). Ông Bạch Như T1 phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 25 của bản Điều khoản; chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông Bạch Như T1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 22.256.262 đồng (Chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm).

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc nhưng ông Bạch Như T1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Bạch Như T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của bản Điều khoản) nên ngày 25/11/2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của bản Điều khoản). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 34.993.072 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại.

Tính đến ngày 27/5/2025, ông Bạch Như T1 còn nợ Ngân hàng số tiền là 60.346.122 đồng; Trong đó: Số tiền gốc là 34.993.072 đồng; Số tiền lãi quá hạn là 25.353.050 đồng.

Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Bạch Như T1 phải trả cho Ngân hàng số tiền là 60.346.122 đồng; Trong đó: Số tiền gốc là 34.993.072 đồng; Số tiền lãi quá hạn là 25.353.050 đồng và lãi suất trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất quá

hạn quy định tại Hợp đồng tín dụng từ ngày 28/5/2025 cho đến ngày trả hết nợ cho Ngân hàng.

Quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn ông Bạch Như T1 trình bày:

Ông xác định có mở thẻ tín dụng tại Ngân hàng S1 với hạn mức thẻ là 30.000.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ, ông đã đóng đầy đủ cho Ngân hàng nhưng do bị tai nạn lao động, không thể tiếp tục làm việc nên ông mới tạm ngưng trả cho Ngân hàng từ tháng 11/2023. Ông xác định số nợ còn thiếu tính đến ngày 27/3/2025 là 57.447.185 đồng (gốc là 34.993.072 đồng, lãi quá hạn là 22.454.086 đồng) và đồng ý trả. Ông chuẩn bị đi làm lại và cam kết sẽ tiếp tục trả tiền cho Ngân hàng.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, cụ thể như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Bị đơn ông Bạch Như T1 có nơi cư trú tại phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – T, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2] *Về sự vắng mặt của bị đơn:* Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã thực hiện các thủ tục thông đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Bạch N Tiền nhưng ông Bạch Như T1 không đến tham gia phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản

2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. *Về nội dung vụ án:*

[2.1] Căn cứ các chứng cứ, tài liệu và lời khai nguyên đơn cung cấp; Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng và ông Bạch Như T1 được ký kết trên cơ sở tự nguyện, mục đích, nội dung và hình thức của Hợp đồng đúng quy định của pháp luật nên xác định là Hợp đồng hợp pháp. Theo các tài liệu, chứng cứ Ngân hàng cung cấp thì: Ngày 29/11/2022, ông Bạch Như T1 có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng; bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại cổ phần S. Căn cứ thu nhập của ông Bạch Như T1, Ngân hàng đã đồng ý cấp Thẻ tín dụng với mức sử dụng là 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*). Từ ngày kích hoạt thẻ; ông Bạch Như T1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 46.360.000 đồng và đến khi ngưng thanh toán còn thiếu Ngân hàng số tiền 34.993.072 đồng. Sau đó ông Bạch Như T1 không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Ngân hàng. Như vậy, ông Bạch Như T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng, đã vi phạm Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ của ông Bạch Như T1 sang nợ quá hạn là phù hợp với Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[2.2]. *Về lãi suất:* Các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn tại thời điểm cấp tín dụng là 2,77%/tháng, lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 23 của bản Điều khoản). Ngân hàng đã niêm yết công khai mức lãi suất tại thời điểm cho vay đối với hình thức sử dụng thẻ tín dụng. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông Bạch Như T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng của Ngân hàng) nên ngày 25/11/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và đã chuyển toàn bộ dư nợ của thẻ tại thời điểm này là 34.993.072 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại là đúng theo quy định tại Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng của Ngân hàng, phù hợp với quy định tại Điều 418 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3]. *Về các loại phí liên quan đến thẻ:* Các bên đã thỏa thuận về trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ tại Điều 18 của bản Điều khoản. Ông Bạch Như T1 phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 25 của bản Điều khoản; chi tiết lãi,

phí trong sao kê tóm tắt. Căn cứ các biểu phí đã được Ngân hàng niêm yết công khai tại thời điểm ký hợp đồng, đã được thỏa thuận giữa Ngân hàng và ông Bạch Như T1 là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng.

[2.4]. Từ các phân tích như trên, thấy rằng: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bạch N Tiền trả tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 27/5/2025 là 60.346.122 đồng; Trong đó: Số tiền gốc là 34.993.072 đồng; Số tiền lãi quá hạn là 25.353.050 đồng và lãi suất trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn quy định tại Hợp đồng tín dụng từ ngày 28/5/2025 cho đến ngày trả hết nợ cho Ngân hàng là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. *Về án phí*: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên bị đơn ông Bạch Như T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 60.346.122 đồng x 5% = 3.017.000 đồng (đã làm tròn số). Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.
- Điều 418, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.
- Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

1. Buộc ông Bạch Như T1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tổng cộng là 60.346.122 đồng (*bằng chữ: sáu mươi triệu, ba trăm bốn mươi sáu nghìn, một trăm hai mươi hai đồng*). Trong đó: Số tiền gốc là 34.993.072 đồng; Số tiền lãi quá hạn là 25.353.050 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/5/2025), ông Bạch N Tiền còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận

tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại cổ phần S) ngày 29/11/2022 đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán, tương ứng với thời gian chậm thanh toán cho đến khi ông Bạch N Tiền thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí: Ông Bạch Như T1 phải chịu 3.017.000 đồng (ba triệu không trăm mười bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.226.000 đồng (*một triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0003266 ngày 15/10/2024 của Chi cục thi hành dân sự thành phố P – T, tỉnh Ninh Thuận.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Án xử công khai có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/5/2025). Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND Tp. Phan Rang-Tháp Chàm;
- Chi cục THADS Tp. Phan Rang-Tháp Chàm;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Trần Thanh Thư

